TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2025/QĐST-DS	*Đồng Tháp, ngày 26 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số 622/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Trung H**, sinh năm 1990 - Là chủ hộ kinh doanh Hiếu V; Số CCCD: 087090005128, cấp ngày 18/3/2023; Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền: Chị Huỳnh Thị V1, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1985, địa chỉ: Số F, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp – Văn bản uỷ quyền ngày 12/8/2025.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1964;

Ông **Dương Mộng A**, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Tổ I, Ấp D, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trần Thị Ngọc N**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền: Chị Huỳnh Thị V1, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1985, địa chỉ: Số F, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp – Văn bản uỷ quyền ngày 12/8/2025.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị G và ông Dương Mộng A đồng ý trả cho anh Lê Trung H – Chủ Hộ kinh doanh Hiếu V số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ vốn là 36.969.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) và tiền lãi là 8.031.000 đồng (Tám triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Tổng cộng là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

Về án phí: Bà Trần Thị G và ông Dương Mộng A đồng ý chịu tổng cộng 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Nhưng bà G và ông A được miễn án phí với số tiền 562.500 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà G và ông A còn phải nộp số tiền án phí là 562.500 đồng (Năm trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Anh Lê Trung H – Chủ HKD Hiếu V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.181.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi mốt nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008191 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- THADS Tỉnh;
- VKSND khu vực 10;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, (Thái).

THẨM PHÁN

Hồ Quốc Thái